

Bản án số 05/2024/DSST
Ngày 24 -4-2024
“v/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor P
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị H và bà Võ Thị Phương L
- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải B - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay S - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2024/TLST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đồng Nh, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Mới, xã Chư Rằm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

+ Bị đơn: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Buôn Mới, xã Chư Rằm, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đồng Nh trình bày: vào ngày 19/2/2023 ông Lê Quốc T có vay của anh số tiền 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, với thời hạn 01 tháng. Sau khi hết hạn trả nợ, anh đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T không trả nợ cho anh.

Anh Nguyễn Đồng Nh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pa buộc ông Lê Quốc T trả cho anh số tiền nợ là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Đồng Nh trình bày khi vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, yêu cầu ông Lê Quốc T phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 140.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc theo quy định của pháp luật từ ngày 20/3/2023 đến ngày xét xử

sơ thẩm.

2. *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Quốc T trình bày:* ông Lê Quốc T thừa nhận vào ngày 19/2/2023 ông có vay của anh Nguyễn Đồng Nh 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) với thời hạn vay là 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất phát sinh. Hết thời hạn vay do gia đình sau đó gặp nhiều khó khăn nên ông chưa trả cho anh Nh khoản tiền nào.

Nay anh Nguyễn Đồng Nh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Pa buộc ông có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Đồng Nh số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) thì ông đồng ý và công nhận hiện nay ông còn nợ anh Nguyễn Đồng Nh số tiền nợ là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), ông tự nguyện, đồng ý trả số tiền nợ cho anh Nguyễn Đồng Nh nhưng chưa thể đưa ra phương thức và thời gian trả nợ cụ thể.

Về tiền lãi, khi vay không thỏa thuận về lãi nên ông không đồng ý trả tiền lãi phát sinh.

Phát biểu ý kiến sau phân tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở chứng cứ, các lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định giữa anh Nhật và ông T có xác lập hợp đồng vay tài sản bằng văn bản “Giấy vay tiền” vào ngày 19/2/2023, nội dung cụ thể: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ... Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ... Giấy Vay Tiền ... Tôi: Lê Quốc T Sinh năm 10/1/1977 ... nay ngày 19/2/2023 có vay của anh Nguyễn Đồng Nh 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) để làm ăn. Trong vòng 1 tháng tôi sẽ hoàn trả lại số tiền nêu trên nên tôi sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật ... Người Vay ... Lê Quốc T”, giấy vay tiền có chữ ký, ghi họ và tên của ông Tuấn.

Như vậy, việc ông T xác lập giao dịch dân sự với anh Nh là có thật, các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản, có xác định thời hạn trả nợ, không có lãi. Do vậy anh Nh yêu cầu ông Tuấn trả số tiền nợ gốc và lãi quá hạn là có cơ sở.

Vì đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi hết thời hạn trả nợ, mặc dù nhiều lần anh Nh yêu cầu trả nợ nhưng ông T không chịu trả.

Nay anh Nh khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền nợ là 140.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật kể từ ngày 20/3/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên:

Căn cứ các điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đồng Nh, buộc bị đơn ông Lê Quốc T phải trả cho anh Nguyễn Đồng Nh số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp trước đây cho anh Nguyễn Đồng Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung:* Nguyên đơn anh Nguyễn Đồng Nh khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Quốc T phải trả số tiền đã vay là 140.000.000 đồng và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 20/3/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm

[1] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản gốc 01 (một) “Giấy vay tiền” vào ngày 19/2/2023, nội dung cụ thể: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ... Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ... Giấy Vay Tiền ... Tôi: Lê Quốc T Sinh năm 10/1/1977 ... nay ngày 19/2/2023 có vay của anh Nguyễn Đồng Nh 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu) để làm ăn. Trong vòng 1 tháng tôi sẽ hoàn trả lại số tiền nêu trên nên tôi sai tôi sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật ... Người Vay ... Lê Quốc T”, giấy vay tiền có chữ ký, ghi họ và tên của ông T. Bị đơn ông Lê Quốc T tự nguyện, công nhận và đồng ý có nợ tiền anh Nh, công nhận, đồng ý với nội dung giấy mượn tiền mà anh Nh cung cấp cho Tòa án, vì vậy chứng cứ nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử khẳng định vào ngày 19/2/2023 ông Lê Quốc T có vay của anh số tiền 140.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, với thời hạn vay là 01 tháng, khi đến hạn trả nợ, anh Nh yêu cầu nhiều lần nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Việc ông T không thực hiện việc trả tiền nợ gốc cho anh Nh khi hết thời hạn vay đã thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Lê Quốc T có nguyện vọng xin trả số tiền 140.000.000 đồng cho anh Nguyễn Đồng Nh làm nhiều lần mỗi tháng trả 6.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ nhưng nguyên đơn anh Nguyễn Nh không đồng ý nên Hội đồng

xét xử không có căn cứ để chấp nhận. Do vậy cần buộc bị đơn ông Lê Quốc T phải trả cho anh Nguyễn Đồng Nh số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định của pháp luật là có căn cứ pháp luật.

[2] Về lãi suất: Tại phiên toà các đương sự đều thừa nhận khi vay tiền không thoả thuận lãi suất; bên cạnh đó, nội dung giấy vay tiền thể hiện thời hạn vay là “1 tháng” nhưng không thể hiện việc các bên thoả thuận lãi suất và mức lãi suất, do đó đây là trường hợp vay có thời hạn, không có lãi

Về yêu cầu tính lãi quá hạn: khi xác lập hợp đồng vay tiền các bên đương sự chỉ thoả thuận thời hạn trả nợ, không thoả thuận lãi suất, tại phiên toà anh Nguyễn Đồng Nh yêu cầu tính lãi quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 20/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX cần chấp nhận.

Tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chậm trả từ ngày 20/3/2023 đến ngày 24/4/2024 (13 tháng 04 ngày) là 140.000.000 đồng x 13 tháng 04 ngày x 10%/năm = 15.322.221 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 140.000.000 đồng + 15.322.221 đồng = 155.322.221 đồng. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay và tiền lãi tổng cộng là 155.322.221 đồng.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Tổng giá ngạch của vụ kiện là 155.322.221 đồng. Ông Lê Quốc T phải chịu 155.322.221 đồng x 5% = 7.766.111 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đồng Nh toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Đồng Nh.

Buộc ông Lê Quốc T phải trả cho anh Nguyễn Đồng Nh số tiền là 155.322.221 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi một đồng). Trong đó tiền gốc là 140.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 15.322.221 đồng (mười lăm triệu ba trăm hai mươi hai ngàn hai trăm hai mươi một đồng)

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/4/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Lê Quốc T phải nộp 7.766.111 đồng (bảy triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm mười một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Đồng Nh toàn bộ số tiền đã tạm nộp án phí là 3.500.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu, năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004189 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

Anh Nguyễn Đồng Nh và ông Lê Quốc T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/4/2024) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm

Thành viên hội đồng xét xử

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Phương L

- Tọa Thị H

Ksor P

